

Tuần 38, 02/10/2026

Khối ngoại bất ngờ bán mạnh phiên cuối tuần

Tiêu điểm:

- NHNN ban hành Thông tư 50/2026. Nâng trần LDR lên 95% và bổ sung các chuẩn mực Basel III, giúp mở rộng hạn mức cho vay từ tháng 12/2026
- (PCE) toàn phần tháng 8 tăng 0.3% so với tháng trước và tăng 3.4% so với cùng kỳ năm trước. Đặt cược khả năng 38% Fed tăng lãi suất trong cuộc họp tháng 10, giảm từ xác suất 50% trước khi báo cáo được công bố.
- Theo tờ trình mới công bố, PNJ dự kiến chào bán riêng lẻ tối đa 550 triệu cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (so với 512 triệu cổ phiếu lưu hành), tạo áp lực điều chỉnh do lo ngại pha loãng

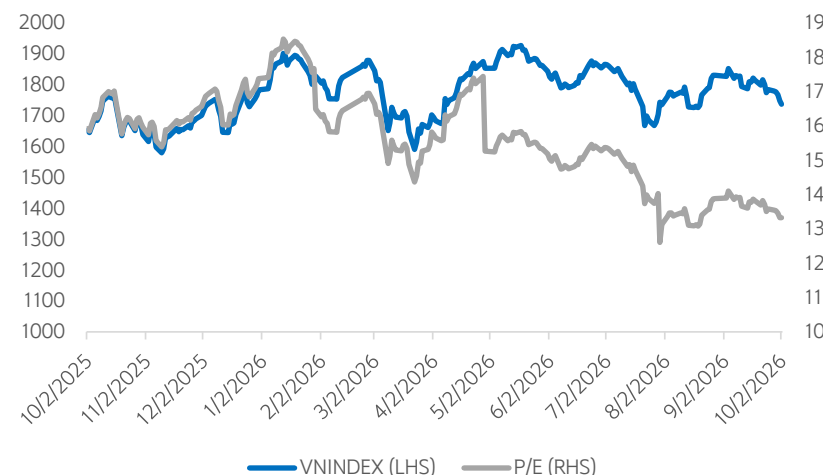
Đánh giá: Tuần giao dịch tương đối ảm đạm khi chưa có nhóm ngành nào thực sự dẫn dắt và cải thiện thanh khoản. Nhìn chung, thật khó để thị trường bứt phá khi một vài cổ phiếu lớn như NVL và PNJ có những phiên giảm sàn liên tục. Áp lực từ lãi suất cao khiến thị trường khó có thể bứt phá ngay và vùng trung thông tin trước KQKD Quý 3 góp phần khiến chỉ số biến động khó lường.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index kết tuần tại 1,738 điểm (-47 điểm, -2.66%) trên đồ thị tuần với thanh khoản thấp. Thị trường chính thức thủng MA 50 trên đồ thị ngày khi nhóm ngân hàng và bất động sản giảm điểm. Khối ngoại bán ròng rất mạnh trong phiên thứ 6 lên đến 3,300 tỷ đồng tập trung hầu hết tại PNJ và HDB. Việc thiếu thanh khoản, tâm lý thị trường sẵn đã yếu khiến nhịp giảm dễ xảy ra. Vùng hỗ trợ/kháng cự tham chiếu là 1,720 – 1,880.

Ý tưởng đầu tư: Ưu tiên nhóm phòng thủ có beta thấp, có dòng tiền mạnh mẽ, cổ tức cao, cơ cấu nợ vay thấp trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Có thể xem xét nhóm bảo hiểm, và điện nước. Trong ngắn hạn thị trường có thể giảm tiếp nên nhà đầu tư giao dịch ngắn nên ưu tiên quan sát

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,738	-2.7	-5.2	-6.9	-2.6		13.3	1.9	325
Upcom Index	126	0.6	-1.2	-2.1	4.1		11.5	1.6	26
HNX Index	267	-2.0	-6.3	-13.0	7.2		13.4	1.5	16
VN30 Index	1,876	-3.2	-5.4	-6.6	-7.6		11.2	1.9	247
S&P 500 Index	7,666	-1.0	0.0	2.4	12.0		26.3	5.6	68,399
STOXX Europe 600 Index	632	-1.0	-2.1	-2.5	6.7		16.5	2.4	17,887
Hang Seng	23,972	-2.2	-5.3	4.0	-6.5		12.3	1.3	3,778
Nikkei 225	68,309	2.9	6.2	-0.6	35.7		21.9	3.0	6,771
SHCOMP Index	3,842	-1.2	-2.5	-3.2	-3.2		1.5	1.5	9,236
STI Index	5,634	-1.3	-1.9	8.0	21.3		19.4	1.8	645
KOSPI Index	7,004	-1.1	6.7	-8.4	66.2		12.7	1.7	4,125

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

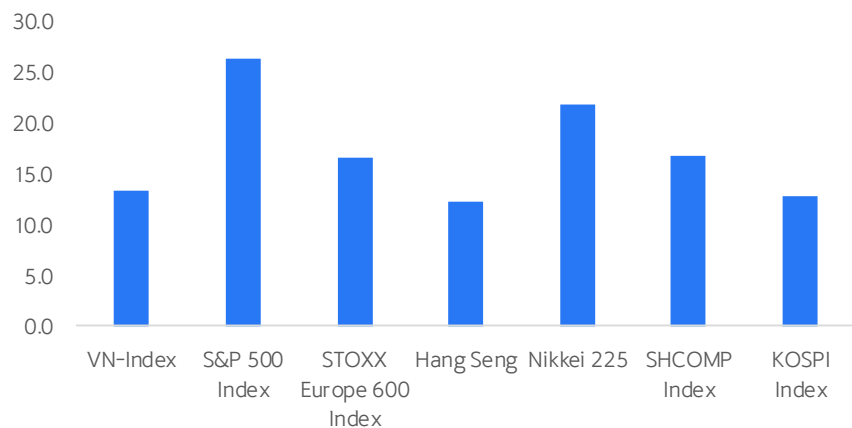
WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

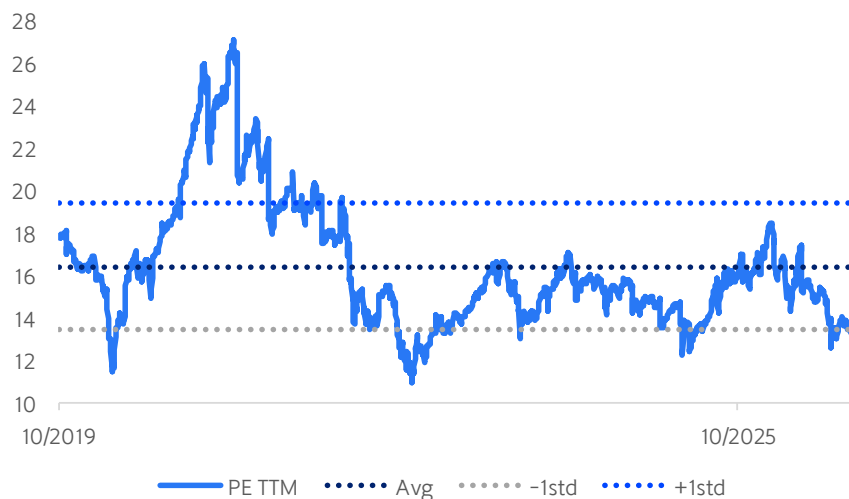
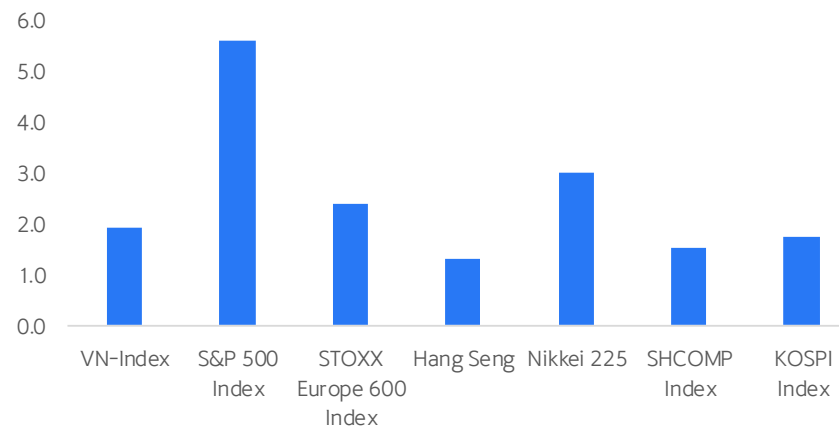
Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-2.4	-6.0	-2.9	2.2	-21.7	-18.9	-20.8	-42.7	88.9	-2.5	15.3	2.3	7,799,472
Mid Cap	-2.0	-4.8	-9.2	-10.7	5.0	5.1	-13.7	-50.5	10.3	2.4	9.2	1.1	506,938
Small Cap	-1.6	-4.2	-9.9	-20.1	-12.2	-9.0	-9.6	-35.7	0.8	0.1	10.3	0.6	73,712
Theo ngành													
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bảo hiểm	7.9	12.1	20.1	22.9	102.0	116.2	191.7	68.1	1.0	0.5	16.2	1.9	68,305
Dầu khí	0.6	9.1	19.8	50.0	-14.4	-15.3	21.0	-27.4	5.6	0.3	27.3	2.5	215,492
Bán lẻ	0.2	2.2	1.0	-9.8	3.2	14.6	6.1	-36.5	3.9	0.9	18.4	3.4	156,592
Dược và Y tế	-0.4	-2.4	-5.7	-13.6	-40.8	-8.2	48.8	72.0	0.6	-0.2	16.1	1.9	34,755
Hóa chất	-0.9	0.0	0.4	8.2	11.8	-0.8	23.5	-44.6	3.7	1.0	14.8	1.7	206,189
Du lịch và Giải trí	-1.1	0.0	-9.2	-17.4	-39.2	-32.7	-26.4	-42.2	1.6	-0.5	27.6	4.2	311,414
Tiện ích	-1.2	-4.0	1.5	1.2	9.6	-12.0	-14.3	-53.0	1.9	0.5	13.1	2.0	329,762
Thực phẩm và đồ uống	-1.3	-2.9	-0.8	-13.0	-25.7	-12.7	-20.5	-45.9	5.9	-0.5	16.3	3.0	582,694
Xây dựng và vật liệu	-2.1	-4.3	-10.7	-15.7	11.8	-1.1	-24.3	-66.5	2.5	0.7	9.4	1.2	120,470
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-2.1	1.6	-7.4	-18.1	12.9	20.3	13.0	-19.2	8.5	2.4	13.2	1.9	216,556
Ngân hàng	-2.4	-3.2	-6.0	-1.9	-22.6	-12.5	-15.6	-38.0	29.6	-1.1	9.1	1.5	2,477,701
Truyền thông	-2.7	-12.7	-18.5	6.3	192.4	150.9	61.3	-32.2	0.0	0.0	20.1	0.8	419
Tài nguyên cơ bản	-2.7	-7.1	-12.5	-14.3	-4.4	-10.7	-26.1	-56.6	3.8	0.6	11.5	1.2	207,008
Bất động sản	-2.9	-11.5	-3.1	12.2	-31.1	-35.3	-32.4	-43.7	17.2	-2.9	33.2	3.6	2,623,458
Ô tô & Phụ tùng	-3.8	-8.6	-9.0	-4.2	23.0	13.8	-16.4	-47.6	0.3	0.1	6.9	0.9	16,583
Công nghệ Thông tin	-4.1	-6.3	-7.6	-28.1	-51.5	-46.2	-49.0	-69.6	2.2	-1.5	12.3	2.6	128,188
Tài chính	-5.3	-11.6	-17.9	-12.2	-18.2	-25.2	-40.3	-55.3	10.8	0.2	13.9	1.6	428,976
Hàng cá nhân & Gia dụng	-13.3	-21.4	-34.9	-44.1	-54.9	-51.8	-66.9	-59.5	0.9	-0.7	5.9	0.9	33,124

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	13,045	148,180	166,058
Ấn độ	-2,541	-4,143	704	-28,261
Indonesia	-210	-13	-13	-4,679
Nhật Bản*	-2,302	-7,723	-3,685	49,324
Mayaysia	-179	-46	-46	-1,573
Hàn Quốc	-6,486	-241	-241	-126,923
Sri Lanka	0	0	0	-178
Đài Loan	-492	464	462	-36,459
Thái Lan	-771	-106	-106	708
Việt Nam	-63	-1	-1	-3,636

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,361	-10.1	68.5	-2.1	-171.1
Nước ngoài	1,633	-11.5	68.9	-4.4	-145.3
VanEck Vectors Vietnam ETF	483	-10.3	-10.3	-36.8	-63.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	331	0.0	-6.5	-21.2	-127.3
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	349	-1.2	-9.2	-12.3	-6.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	265	0.0	94.9	65.9	52.8
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	729	1.5	-0.4	2.3	-25.9
DCVFMVN Diamond ETF	415	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	224	1.2	-3.5	-2.0	-21.5
SSIAM VNFN LEAD ETF	26	0.0	3.4	4.9	6.2
MAFN VN30 ETF	20	0.1	-0.5	-3.4	-13.7
SSIAM VNX50 ETF	8	0.0	0.0	2.0	1.9
VinaCapital VN100 ETF	27	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	10	0.2	0.2	0.8	1.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

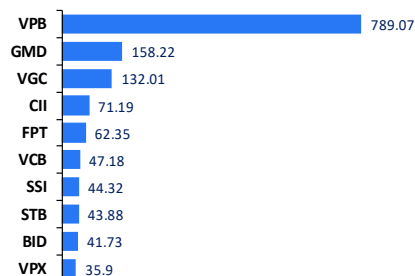
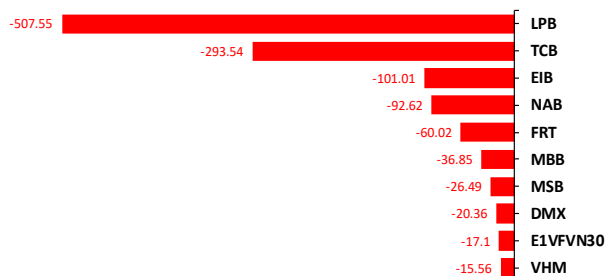
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

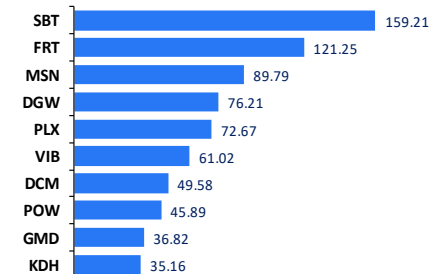
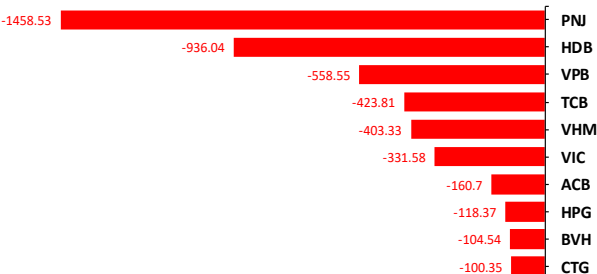
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

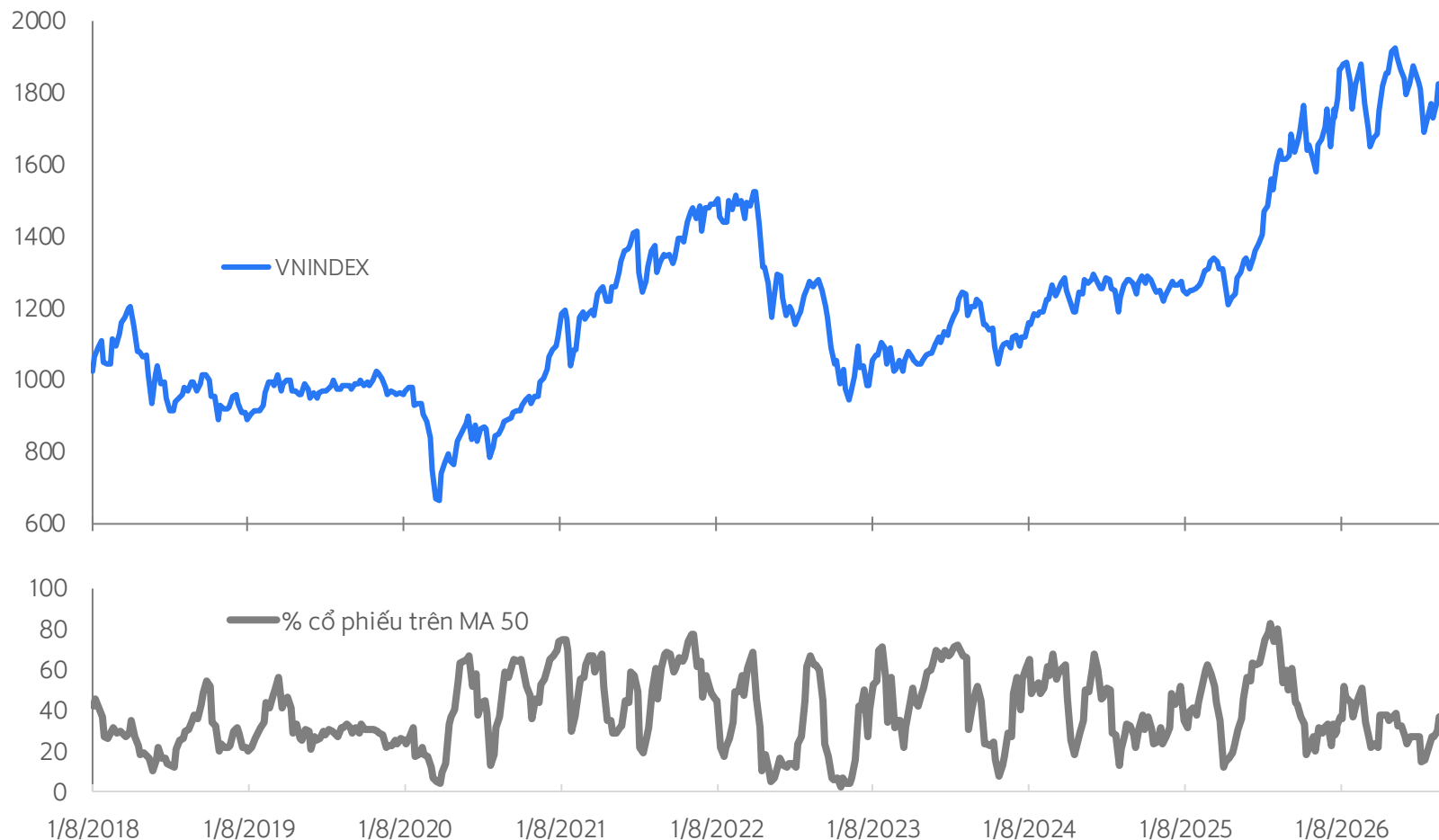
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)
Bất động sản	-5	-809
Tài nguyên Cơ bản	15	-129
Truyền thông	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	143	-108
Y tế	-4	0
Hóa chất	3	-19
Dịch vụ tài chính	71	-247
Du lịch và Giải trí	1	59
Ngân hàng	-150	-2,507
Xây dựng và Vật liệu	200	-53
Thực phẩm và đồ uống	24	81
Bán lẻ	-68	232
Điện, nước & xăng dầu khí đi	-5	50
Hàng cá nhân & Gia dụng	1	-1,464
Công nghệ Thông tin	62	-7
Ô tô và phụ tùng	0	-2
Bảo hiểm	0	-104
Dầu khí	14	85
Tổng	303	-4,944

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	33	Weak	Weak	DXG	31	Weak	Weak	BVH	72	Neutral	Neutral	HPG	33	Weak	Weak	GEX	39	Weak	Weak
MBB	34	Weak	Weak	NVL	26	Weak	Weak	BMI	46	Neutral	Strong	NKG	18	Weak	Weak	VSC	36	Weak	Weak
HDB	65	Strong	Strong	DIG	32	Weak	Weak	BIC	52	Too hot	Strong	HSG	36	Neutral	Weak	PVT	58	Strong	Strong
VPB	60	Neutral	Strong	VRE	35	Weak	Weak	VIX	33	Weak	Weak	SMC	47	Neutral	Neutral	GMD	53	Neutral	Neutral
MSB	63	Strong	Strong	PDR	30	Weak	Weak	SSI	36	Weak	Weak	CII	26	Weak	Weak	HAH	62	Strong	Strong
TCB	49	Neutral	Neutral	VIC	43	Weak	Neutral	VND	25	Weak	Weak	HHV	21	Weak	Weak	GEE	50	Strong	Neutral
EIB	43	Neutral	Weak	KDH	28	Weak	Weak	VCI	32	Weak	Weak	VCG	15	Weak	Weak	VOS	41	Weak	Neutral
ACB	36	Weak	Weak	VHM	42	Weak	Weak	HCM	35	Weak	Weak	PC1	36	Weak	Weak	APH	61	Neutral	Strong
TPB	34	Weak	Weak	TCH	38	Weak	Weak	TCX	20	Weak	Weak	FCN	25	Weak	Weak	VTP	35	Weak	Weak
STB	28	Weak	Weak	KBC	17	Weak	Weak	ORS	47	Neutral	Neutral	VGC	63	Strong	Strong	SBG	53	Neutral	Strong
CTG	40	Neutral	Weak	HDG	31	Weak	Weak	VDS	25	Weak	Weak	DPG	29	Weak	Weak	REE	57	Neutral	Neutral
VIB	47	Neutral	Neutral	HDC	27	Weak	Weak	FTS	26	Weak	Weak	CTD	39	Neutral	Weak	PAC	40	Neutral	Weak
SSB	40	Weak	Neutral	NLG	34	Weak	Weak	CTS	30	Weak	Weak	CTR	38	Neutral	Weak	TV2	39	Neutral	Neutral
VCB	38	Neutral	Neutral	DXS	28	Weak	Weak	BSI	25	Weak	Weak	HT1	46	Neutral	Neutral	TCM	19	Weak	Weak
NAB	66	Strong	Strong	NTL	28	Weak	Weak	TCI	54	Neutral	Neutral	CTI	31	Neutral	Weak	TLG	61	Strong	Strong
OCB	38	Neutral	Weak	SIP	42	Neutral	Neutral	TVB	41	Neutral	Weak	BMP	41	Neutral	Weak	PNJ	15	Weak	Weak
BID	36	Weak	Neutral	SZC	30	Weak	Weak	DSE	39	Neutral	Neutral					MSH	52	Neutral	Neutral
LPB	25	Weak	Weak	BCM	39	Weak	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	36	Weak	Neutral	PVD	41	Weak	Weak	MSN	59	Neutral	Strong	YEG	35	Weak	Weak	VPL	46	Weak	Neutral
SAM	50	Neutral	Neutral	BSR	55	Neutral	Strong	VNM	33	Weak	Weak	DCL	65	Too hot	Strong	VJC	50	Neutral	Neutral
ELC	29	Weak	Weak	PLX	48	Neutral	Neutral	DBC	37	Weak	Weak	DBD	46	Neutral	Neutral	HVN	41	Neutral	Weak
CMG	26	Weak	Weak	POW	46	Neutral	Weak	BAF	31	Weak	Neutral	TNH	7	Weak	Weak	SCS	40	Neutral	Neutral
MWG	53	Neutral	Neutral	NT2	69	Strong	Strong	SAB	34	Weak	Weak	JVC	28	Weak	Weak	VNG	38	Weak	Weak
DGW	58	Neutral	Strong	GAS	41	Weak	Neutral	ANV	58	Strong	Neutral					HAX	41	Neutral	Weak
PET	64	Too hot	Strong	GEG	23	Weak	Weak	VHC	50	Neutral	Neutral					DRC	35	Neutral	Weak
FRT	57	Strong	Strong	PPC	32	Neutral	Neutral	MCH	44	Neutral	Neutral								

Danh sách theo dõi tiềm năng						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	REE	47.4	56	47	19%	Kì vọng nước về tại các hồ thủy điện giúp REE hưởng lợi. Hiện cổ phiếu có định giá hấp dẫn do đã chiết khấu sâu. Dòng tiền có dấu hiệu tham gia mạnh mẽ gần đây
2	TCH	10.9	NA	NA	NA	Doanh nghiệp bất động sản ít vay nợ, phù hợp trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Nền giá đang có xu hướng tạo đáy và tích lũy gần vùng MA 50
3	BVH	75.8	NA	13	NA	Nhóm bảo hiểm hưởng lợi từ lãi suất huy động tăng. Có sự phục hồi tốt từ vùng đáy với thanh khoản cải thiện
4	GAS	78.8	NA	80	NA	Câu chuyện thoái vốn nhà nước hỗ trợ cho GAS. Cấu trúc giá mạnh khi đã hoàn toàn vượt khỏi MA 50 với thanh khoản tốt

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.05 – 84.67	23.1	-30.2%
2	KOS	Bất động sản	14.70 – 40.20	14.7	-30.0%
3	D2D	Bất động sản	21.55 – 38.50	22.1	-23.9%
4	HID	Xây dựng và Vật liệu	3.15 – 11.90	4.2	-18.3%
5	PIT	Bán lẻ	5.93 – 11.90	7.3	-18.0%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
26.1%	14.0	10.55 – 15.10	Ngân hàng	VBB
21.2%	40.9	24.00 – 45.41	Y tế	VDP
14.4%	47.6	38.00 – 63.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CLW
13.9%	38.1	24.25 – 44.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	STG
12.9%	54.6	39.85 – 77.90	Hóa chất	BFC

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SDC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.43 – 7.76	5.8	-15.9%
2	NDX	Xây dựng và Vật liệu	5.10 – 6.80	5.3	-14.5%
3	NDN	Bất động sản	7.60 – 14.20	7.8	-14.3%
4	DVM	Y tế	3.30 – 8.70	3.4	-12.8%
5	LAS	Hóa chất	10.90 – 21.40	10.9	-12.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.2%	22.5	12.40 – 22.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	CAR
32.0%	37.1	28.10 – 38.00	Du lịch và Giải trí	MAS
22.0%	6.1	4.50 – 9.10	Du lịch và Giải trí	PGT
20.0%	2.4	1.70 – 2.90	Bất động sản	PV2
18.6%	7.0	5.30 – 11.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VCM

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	LG9	Xây dựng và Vật liệu	3.00 – 7.40	3.0	-44.4%
2	VXT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.00 – 76.10	22.0	-43.9%
3	ACM	Tài nguyên Cơ bản	0.30 – 0.80	0.3	-40.0%
4	VHH	Tiêu dùng không thiết yếu	1.90 – 4.80	2.1	-32.3%
5	VNI	Bất động sản	4.00 – 9.50	6.0	-29.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
50.0%	0.9	0.60 – 1.60	Du lịch và Giải trí	HHG
39.8%	26.0	18.60 – 28.70	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	LDW
33.3%	0.4	0.30 – 0.60	Thực phẩm và đồ uống	HKB
33.3%	0.4	0.30 – 1.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	LO5
32.3%	4.1	3.10 – 4.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PLO

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	VBB	VietBank	Ngân hàng	2,961.2	1,186.5	14.0	3.65 - 5.73	7.3
2	TAL	Đầu tư bất động sản Taseco	Bất động sản	15,136.9	941.6	23.0	19.50 - 39.71	0.0
3	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5,629.1	347.6	40.8	39.65 - 49.41	1.4
4	HTN	Hưng Thịnh Incons	Bất động sản	3,176.0	196.4	7.3	4.01 - 7.56	4.1
5	DPR	Cao su Đồng Phú	Hóa chất	23,754.3	168.9	38.2	33.60 - 48.50	0.7
6	KHG	Tập đoàn Khải Hoàn Land	Bất động sản	12,972.3	158.8	4.6	4.45 - 8.76	-2.8
7	TRC	Cao su Tây Ninh	Hóa chất	6,834.2	140.7	24.2	16.18 - 25.30	7.6
8	HAH	Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	93,155.9	137.1	51.2	42.90 - 71.70	-1.0
9	PHR	Cao su Phước Hòa	Hóa chất	19,074.0	116.1	33.2	27.03 - 41.50	2.3
10	AGG	Bất động sản An Gia	Bất động sản	4,218.1	111.9	9.0	8.53 - 17.64	-1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

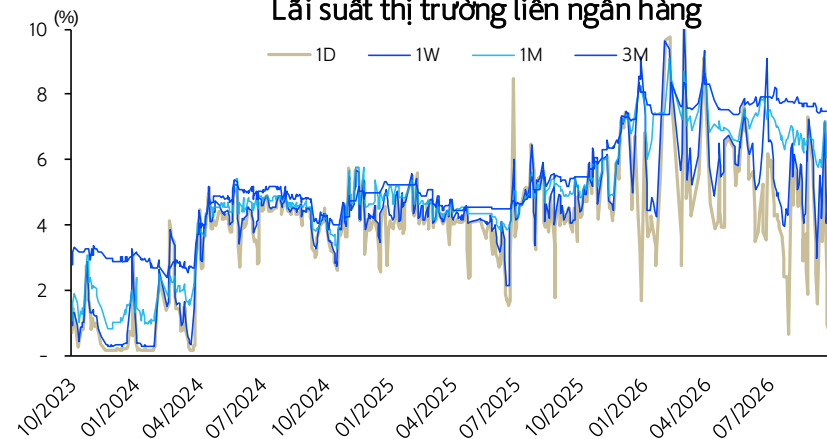
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	101.92	0.9	2.3	1.1	3.7	
VND/USD	25,988	0.1	-0.3	-1.2	-1.2	
KRW/USD	1,347.45	-0.8	-0.8	-12.4	-6.4	
JPY/USD	157.58	0.2	-0.7	-2.2	0.6	
EUR/USD	0.89	1.2	3.0	1.6	4.4	
SGD/USD	1.28	0.1	0.6	-1.1	-0.5	
CNY/USD	6.71	-0.1	-0.2	-1.2	-4.0	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	89.59	-3.1	-1.6	30.4	56.0	
Xăng	329.64	-2.9	6.2	13.0	93.3	
Gas	2.93	-8.4	-0.9	-8.4	-20.5	
Than	147.00	0.8	0.3	13.9	36.7	
Vàng	4,182.26	-2.4	-4.6	1.5	-3.2	
Bạc	61.22	-4.8	-6.3	0.5	-14.6	
Platinum	1,738.45	-2.5	-1.4	7.1	-15.6	
Quặng sắt	92.10	-5.2	-7.3	-6.4	-14.0	
Thép cán	3,299.00	-0.6	-1.4	-0.7	0.9	
Lúa mì	686.25	-2.4	-9.1	16.2	35.4	
Ngô	500.25	-5.3	-3.6	17.7	13.6	

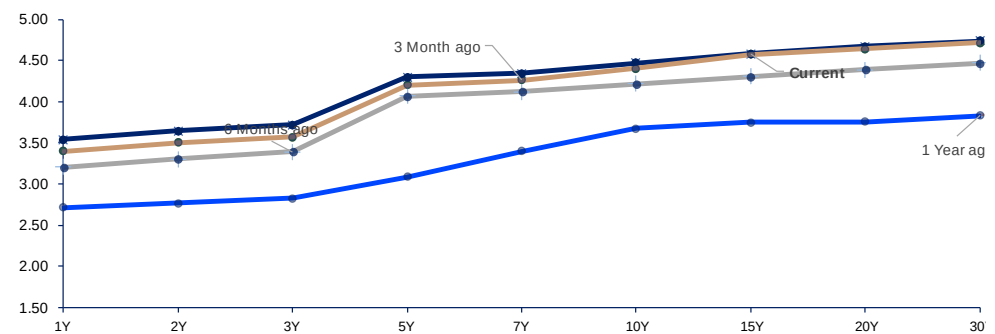
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.54	3.64	3.72	4.30	4.34	4.47	4.58	4.57	4.31
Thay đổi (WoW)	0.50	0.40	0.40	0.20	0.50	0.10	0.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.